

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM SẢN PHẨM SUN LIFE - AN NHIÊN VUI SỐNG

Giải pháp bảo hiểm toàn diện trước Bệnh hiểm nghèo và nhiều rủi ro khác trong cuộc sống

Sức khỏe là tài sản quý giá của mỗi người. Ngoài việc duy trì sức khỏe thông qua chế độ tập luyện và dinh dưỡng hợp lý, bạn cần thêm một giải pháp bảo vệ tài chính vững vàng để kịp thời ứng phó với những rủi ro bệnh tật bất ngờ xảy đến. Với sự tiến bộ của y học ngày nay, ung thư và nhiều bệnh hiểm nghèo có thể được phát hiện và điều trị sớm. Vì vậy, có được nguồn tài chính đầy đủ để điều trị bệnh hiểm nghèo ngay từ giai đoạn đầu có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Với giải pháp bảo hiểm AN NHIÊN VUI SỐNG, Sun Life Việt Nam chính là đối tác tin cậy trong hành trình bảo vệ sức khỏe của bạn. Ngoài ra, AN NHIÊN VUI SỐNG còn mở rộng phạm vi bảo vệ trước những bất trắc về tai nạn, tăng cường các quyền lợi bảo hiểm thương tật, hỗ trợ viện phí và là giải pháp tiết kiệm hữu hiệu giúp khách hàng hoạch định các nhu cầu tài chính quan trọng trong tương lai.

Quyền lợi bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo

Bảo vệ 4 lần trước Danh sách 42 Bệnh hiểm nghèo cho đến năm Người được bảo hiểm đạt 75 tuổi



UNG THƯ



36 BỆNH HIỂM NGHÈO KHÁC



5 BỆNH HIỂM NGHÈO GIAI ĐOẠN ĐẦU

Quyền lợi bảo hiểm Tử vong

- Tử vong/ Tử vong do tai nạn
- Tử vong do tai nạn khi sử dụng phương tiện giao thông công cộng hoặc trong các ngày Lễ/Tết của Việt Nam
- Tử vong do Tai nạn máy bay

Quyền lợi bảo hiểm Thương tật

- Thương tật toàn bộ vĩnh viễn
- Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn
- Thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn
- Bồng độ 3 do tai nạn

Quyền lợi Hỗ trợ viện phí

- Hỗ trợ chi phí nằm viện
- Hỗ trợ chi phí điều trị tại Khoa chăm sóc đặc biệt
- Hỗ trợ chi phí phẫu thuật

Bên mua bảo hiểm: A
Tuổi: 35
Giới tính: Nam
CMND/Hộ chiếu:
Địa chỉ liên hệ:

Người lập: LÂM THANH THẢO
Mã số: IQH7
Ngày lập: 16/03/2020
Chi nhánh: AP
Điện thoại: 999999999
Địa chỉ Email: TEST@SUNLIFE.COM.VN



Thông tin chung của Hợp đồng bảo hiểm

Tên Sản Phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi	Giới tính	Nhóm nghề nghiệp	Số tiền bảo hiểm (Đồng) (STBH)
SUN LIFE - AN NHIÊN VUI SỐNG	A	35	Nam	2	500.000.000

Thông tin Phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm

Sản phẩm bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng (Năm)	Thời hạn đóng phí (Năm)	Phí bảo hiểm theo định kỳ đóng phí (Đồng)	
			Nửa Năm	Năm
SUN LIFE - AN NHIÊN VUI SỐNG	40	10	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>
			19.034.000	38.067.000

Quyền lợi bảo hiểm sản phẩm Sun Life - An Nhiên Vui Sống

STT	Quyền lợi bảo hiểm (QLBH)	Giá trị chi trả (Đồng)	Thời hạn bảo hiểm	Ghi chú
1.	QLBH Bệnh hiểm nghèo		40 năm	
	- QLBH Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	250.000.000 + Miễn thu phí bảo hiểm còn lại (*)		
	- QLBH Bệnh hiểm nghèo lần thứ nhất			
	Bệnh hiểm nghèo Nhóm 1	750.000.000 + Miễn thu phí bảo hiểm còn lại (*)		
	Bệnh hiểm nghèo Nhóm 2, 3, 4 và 5	500.000.000 + Miễn thu phí bảo hiểm còn lại (*)		
- QLBH Bệnh hiểm nghèo lần thứ hai				
Bệnh hiểm nghèo Nhóm 1	750.000.000			
Bệnh hiểm nghèo Nhóm 2, 3, 4 và 5	500.000.000			
- QLBH Bệnh hiểm nghèo lần thứ ba				
Bệnh hiểm nghèo Nhóm 1	750.000.000 + Giá trị tài khoản			
Bệnh hiểm nghèo Nhóm 2, 3, 4 và 5	500.000.000 + Giá trị tài khoản			

Danh sách Bệnh hiểm nghèo

Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Giai đoạn đầu
Ung thư	Các bệnh suy cơ quan chính	Các bệnh của hệ thống tuần hoàn	Các bệnh của hệ thống thần kinh	Các bệnh khác	
1. Ung thư đe dọa tính mạng	2. Bệnh thiếu máu bất sản 3. Mất thị lực 4. Bệnh gan giai đoạn cuối 5. Bệnh phổi giai đoạn cuối 6. Suy thận giai đoạn cuối 7. Mất thính lực 8. Ghép nội tạng chính 9. Cấy ghép tủy xương 10. Viêm gan siêu vi tối cấp 11. Bệnh Lupus đỏ hệ thống có biến chứng viêm thận do Lupus 12. Bệnh nang tủy thận 13. Bệnh nặng giai đoạn cuối	14. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 15. Bệnh nhồi máu cơ tim 16. Phẫu thuật thay thế van tim 17. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát Pulmonary 18. Bệnh cơ tim 19. Phẫu thuật động mạch chủ	20. Bệnh Alzheimer / Mất trí nghiêm trọng 21. Phẫu thuật sọ não 22. U não lành tính 23. Hôn mê 24. Bệnh tê bào thần kinh vận động 25. Bệnh đa xơ cứng 26. Bệnh teo cơ 27. Bệnh Parkinson 28. Đột quy 29. Viêm đa khớp dạng thấp nặng 30. Liệt	31. Viêm màng não do vi khuẩn 32. Mất khả năng phát âm 33. Mất các chi 34. Bồng nặng 35. Chấn thương sọ não nghiêm trọng 36. Viêm não 37. Bệnh bại liệt	1. Ung thư biểu mô tại chỗ/ Ung thư giai đoạn đầu tại các cơ quan cụ thể 2. Đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ 3. Cấy máy tạo nhịp tim/ Cấy máy khử rung tim 4. Phẫu thuật cắt bỏ một bên thận/ Suy thận cấp 5. Đặt lưu dẫn não thất/ Phẫu thuật phình động mạch não

STT	Quyền lợi bảo hiểm (QLBH)	Giá trị chi trả (Đồng)	Thời hạn bảo hiểm	Ghi chú
2.	QLBH tử vong (**)		40 năm	
	- QLBH tử vong	500.000.000 + Giá trị tài khoản		Đối với các trường hợp tử vong do Tai nạn, Quyền lợi bảo hiểm được chi trả như quy định tại mục 3
3.	QLBH tử vong do tai nạn		20 năm	
	- QLBH Tử vong do tai nạn	1.000.000.000 + Giá trị tài khoản		
	- QLBH Tử vong do tai nạn trong các ngày nghỉ Lễ/Tết của Việt Nam	1.500.000.000 + Giá trị tài khoản		
	- QLBH Tử vong do tai nạn khi sử dụng phương tiện giao thông công cộng	1.500.000.000 + Giá trị tài khoản		
	- QLBH Tử vong do Tai nạn máy bay	2.000.000.000 + Giá trị tài khoản		
4.	QLBH Thương tật		20 năm	
	- QLBH Thương tật TBVVV	450.000.000		
	- QLBH Thương tật TBVVV do tai nạn	950.000.000		
	- QLBH Bồng độ 3 do tai nạn	500.000.000		
	- QLBH Thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn (TTBPVV)	tối đa 500.000.000/năm		NĐBH được chi trả % STBH tương ứng với các TTBPVV được quy định tại Phụ lục I - Quy tắc và Điều khoản Sản phẩm bảo hiểm bổ sung - Tai nạn toàn diện.
5.	Quyền lợi hỗ trợ viện phí		20 năm	
	- Quyền lợi hỗ trợ chi phí nằm viện	1.000.000 /Ngày nằm viện		Tối đa 120 ngày/năm và không quá 1000 ngày trong suốt Thời hạn bảo hiểm. Quyền lợi này chỉ được chi trả khi NĐBH nằm viện từ 3 ngày trở lên cho mỗi lần nằm viện.
	- Quyền lợi hỗ trợ chi phí điều trị tại Khoa chăm sóc đặc biệt	2.000.000 /Ngày nằm viện		Tối đa 45 ngày/năm và không quá 400 ngày trong suốt thời hạn bảo hiểm
	- Quyền lợi hỗ trợ chi phí phẫu thuật	5.000.000 /Lần phẫu thuật		Tối đa 5 lần phẫu thuật/năm và không quá 50 lần trong suốt thời hạn bảo hiểm

(*) Trường hợp QLBH Bệnh hiểm nghèo lần thứ nhất hoặc QLBH Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu được chấp thuận chi trả khi Hợp đồng bảo hiểm đang trong Thời hạn đóng phí, Công ty sẽ miễn thu tất cả Phí bảo hiểm còn lại của QLBH Bệnh hiểm nghèo, QLBH Bệnh hiểm nghèo vẫn tiếp tục duy trì hiệu lực và hiệu lực của các QLBH theo số thứ tự từ 2 đến 5 trong trường hợp này được quy định chi tiết tại Trang Hợp đồng của Hợp đồng bảo hiểm.

(**) Sau khi kết thúc thời hạn bảo hiểm của các QLBH theo số thứ tự từ 3 đến 5, QLBH tử vong chi trả là 10% của STBH cộng với Giá trị tài khoản.

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi bảo hiểm khi NDBH mắc Bệnh hiểm nghèo					Quyền lợi bảo hiểm khi NDBH tử vong ⁽³⁾	Giá trị minh họa tại mức lãi suất tích lũy 6.5%/năm ⁽⁴⁾		Giá trị minh họa tại mức lãi suất tích lũy đảm bảo ⁽⁵⁾	
				Giai đoạn đầu ⁽¹⁾	Lần 1/ Lần 2		Lần 3 ⁽²⁾			Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại ⁽⁶⁾	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại ⁽⁶⁾
					Nhóm 1	Nhóm 2-5	Nhóm 1	Nhóm 2-5					
1	35	38.066	21.964	250.000	750.000	500.000	765.722	515.722	515.722	15.722	-	15.092	-
2	36	38.066	25.184	250.000	750.000	500.000	785.797	535.797	535.797	35.797	-	33.856	-
3	37	38.066	30.015	250.000	750.000	500.000	812.161	562.161	562.161	62.161	3.108	58.002	2.900
4	38	38.066	33.236	250.000	750.000	500.000	843.499	593.499	593.499	93.499	14.025	86.022	12.903
5	39	38.066	34.846	250.000	750.000	500.000	878.406	628.406	628.406	128.406	32.102	116.363	29.091
6	40	38.066	34.846	250.000	750.000	500.000	915.413	665.413	665.413	165.413	57.894	147.447	51.606
7	41	38.066	34.846	250.000	750.000	500.000	954.602	704.602	704.602	204.602	92.071	179.245	80.660
8	42	38.066	34.846	250.000	750.000	500.000	996.064	746.064	746.064	246.064	135.335	211.727	116.450
9	43	38.066	34.846	250.000	750.000	500.000	1.039.895	789.895	789.895	289.895	188.432	244.864	159.162
10	44	38.066	34.846	250.000	750.000	500.000	1.161.265	911.265	911.265	411.265	308.449	353.690	265.268
11	45			250.000	750.000	500.000	1.178.066	928.066	928.066	428.066	342.453	354.549	283.639
12	46			250.000	750.000	500.000	1.195.602	945.602	945.602	445.602	378.762	355.083	301.821
13	47			250.000	750.000	500.000	1.213.926	963.926	963.926	463.926	417.534	355.288	319.759
14	48			250.000	750.000	500.000	1.233.167	983.167	983.167	483.167	459.009	355.229	337.468
15	49			250.000	750.000	500.000	1.253.380	1.003.380	1.003.380	503.380	503.380	354.895	354.895
16	50			250.000	750.000	500.000	1.274.595	1.024.595	1.024.595	524.595	524.595	354.246	354.246
17	51			250.000	750.000	500.000	1.296.817	1.046.817	1.046.817	546.817	546.817	353.211	353.211
18	52			250.000	750.000	500.000	1.320.023	1.070.023	1.070.023	570.023	570.023	351.693	351.693
19	53			250.000	750.000	500.000	1.344.184	1.094.184	1.094.184	594.184	594.184	349.586	349.586
20	54			250.000	750.000	500.000	1.369.268	1.119.268	1.119.268	619.268	619.268	346.780	346.780
21	55			250.000	750.000	500.000	1.401.299	1.151.299	701.299	651.299	651.299	349.110	349.110

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH mắc Bệnh hiểm nghèo					Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH tử vong ⁽³⁾	Giá trị minh họa tại mức lãi suất tích lũy 6.5%/năm ⁽⁴⁾		Giá trị minh họa tại mức lãi suất tích lũy đảm bảo ⁽⁵⁾	
				Giai đoạn đầu ⁽¹⁾	Lần 1/ Lần 2		Lần 3 ⁽²⁾			Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại ⁽⁶⁾	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại ⁽⁶⁾
					Nhóm 1	Nhóm 2-5	Nhóm 1	Nhóm 2-5					
26	60			250.000	750.000	500.000	1.579.236	1.329.236	879.236	829.236	829.236	346.553	346.553
31	65			250.000	750.000	500.000	1.786.209	1.536.209	1.086.209	1.036.209	1.036.209	309.734	309.734
36	70			250.000	750.000	500.000	2.018.143	1.768.143	1.318.143	1.268.143	1.268.143	219.482	219.482
40	74			250.000	750.000	500.000	2.204.798	1.954.798	1.504.798	1.454.798	1.454.798	81.772	81.772

Quyền lợi thưởng hoàn tất đóng phí⁽⁷⁾ 75.000.000 đồng

Ghi chú:

- (1) Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu tối đa là 500 triệu đồng.
- (2) Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH mắc Bệnh hiểm nghèo lần thứ ba được minh họa dựa trên Giá trị tài khoản tại mức Lãi suất tích lũy minh họa.
- (3) Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH tử vong được minh họa là Quyền lợi bảo hiểm tử vong không do tai nạn và dựa trên Giá trị tài khoản tại mức Lãi suất tích lũy minh họa. Trường hợp Người được bảo hiểm tử vong do tai nạn, QLBH chi trả cho từng trường hợp cụ thể được quy định tại mục 3- Trang Thông tin Quyền lợi bảo hiểm.
- (4) Lãi suất tích lũy minh họa không vượt quá trung bình các mức lãi suất tích lũy của sản phẩm được Sun Life Việt Nam công bố trong 60 tháng gần nhất.
- (5) Lãi suất tích lũy đảm bảo là 3%/năm cho tất cả các Năm hợp đồng.
- (6) Giá trị hoàn lại là số tiền Quý khách sẽ nhận được nếu yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Giá trị này được xác định bằng Giá trị tài khoản trừ đi Chi phí hủy hợp đồng.
- (7) Quyền lợi thưởng hoàn tất đóng phí đã bao gồm trong Giá trị tài khoản/Giá trị hoàn lại tại cuối Thời hạn đóng phí.
 - Các giá trị minh họa trên là giá trị tại cuối mỗi Năm hợp đồng.
 - Hợp đồng mất hiệu lực khi Giá trị tài khoản thấp hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.

TÓM TẮT CHI PHÍ CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi	Chi phí ban đầu	Chi phí quản lý hợp đồng	Chi phí bảo hiểm rủi ro của QL BH Bệnh hiểm nghèo (*)	Chi phí bảo hiểm rủi ro của các QL BH khác
1	35	16.102	360	1.190	5.861
2	36	12.882	360	1.285	5.861
3	37	8.051	360	1.440	5.861
4	38	4.831	360	1.605	5.861
5	39	3.220	360	1.780	5.861
6	40	3.220	360	1.945	5.861
7	41	3.220	360	2.160	5.861
8	42	3.220	360	2.425	5.861
9	43	3.220	360	2.740	5.861
10	44	3.220	360	3.040	5.861
11	45	-	360	3.375	5.861
12	46	-	360	3.720	5.861
13	47	-	360	4.060	5.861
14	48	-	360	4.325	5.861
15	49	-	360	4.595	5.861
16	50	-	360	4.895	5.861
17	51	-	360	5.255	5.861
18	52	-	360	5.700	5.861
19	53	-	360	6.235	5.861
20	54	-	360	6.860	5.861
21	55	-	360	7.585	-
26	60	-	360	12.665	-
31	65	-	360	19.835	-
36	70	-	360	30.525	-
40	74	-	360	44.065	-

*Dựa trên mức lãi suất tích lũy đảm bảo

1. Chi phí ban đầu

Chi phí ban đầu được tính bằng phần trăm (%) của Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm. Chi phí ban đầu được khấu trừ trước khi phân bổ vào tài khoản theo tỷ lệ sau:

Phí bảo hiểm cơ bản

Thời hạn đóng phí (Năm)	Năm hợp đồng						
	1	2	3	4	5	6 - 10	11 +
10	50%	40%	25%	15%	10%	10%	0%

Phí bảo hiểm đóng thêm

Thời hạn đóng phí (Năm)	Năm hợp đồng					
	1	2	3	4	5	6 +
10	5%	5%	5%	5%	5%	3%

2. Chi phí bảo hiểm rủi ro

Chi phí bảo hiểm rủi ro được khấu trừ hàng tháng từ tài khoản để chi trả quyền lợi bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm. Chi phí bảo hiểm rủi ro thay đổi theo Tuổi hiện tại và Giới tính của Người được bảo hiểm.

3. Chi phí quản lý hợp đồng

Chi phí quản lý hợp đồng hiện tại là ba mươi ngàn đồng một tháng (30.000 đồng/tháng), sẽ được khấu trừ hàng tháng từ tài khoản.

4. Chi phí quản lý quỹ

Chi phí quản lý quỹ sẽ được Công ty khấu trừ từ lãi suất đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung trước khi công bố lãi suất tích lũy để ghi nhận vào tài khoản. Chi phí quản lý quỹ hiện tại là hai phần trăm một năm (2%/năm).

5. Chi phí hủy bỏ hợp đồng

Chi phí hủy hợp đồng được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) của Giá trị tài khoản như sau:

Thời hạn đóng phí (Năm)	Năm hợp đồng														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15+
10	100%	100%	95%	85%	75%	65%	55%	45%	35%	25%	20%	15%	10%	5%	0%

Lưu ý: Các chi phí nêu trên không được bảo đảm và có thể thay đổi theo phê duyệt của Bộ Tài chính

Tôi, **Bên mua bảo hiểm**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi Hợp đồng bảo hiểm này (Bảng minh họa quyền lợi này), cam kết rằng đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với những nội dung đề cập sau đây:

1. Tôi được Tư vấn tài chính của Sun Life Việt Nam giải thích rõ về Bảng minh họa quyền lợi này; các quyền lợi bảo hiểm; các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; các loại phí, chi phí và phương thức phân bổ, khấu trừ phí; chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ liên kết chung và các sản phẩm bổ sung (nếu có).
2. Bảng minh họa quyền lợi này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và Chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản và Giá trị hoàn lại của Hợp đồng bảo hiểm.
3. Giá trị tài khoản thực tế của Hợp đồng bảo hiểm tùy thuộc vào mức lãi suất tích lũy thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng, và có thể cao hơn hoặc thấp hơn Giá trị tài khoản được thể hiện trong Bảng minh họa quyền lợi này.
4. Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong suốt Thời hạn đóng phí hoặc khi Giá trị tài khoản nhỏ hơn các khoản khấu trừ hàng tháng và các Khoản nợ (nếu có).
5. Phí bảo hiểm được đóng theo các phương thức được quy định bởi Công ty tại từng thời điểm. Trong trường hợp được sự chấp thuận của Bộ Tài chính, Công ty có thể thay đổi mức phí của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung. Tuy nhiên, mức phí mới chỉ được áp dụng vào Ngày kỉ niệm hợp đồng và Công ty sẽ thông báo trước 03 (ba) tháng cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản.
6. Bảng minh họa quyền lợi này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và không được xem như là Hợp đồng bảo hiểm hay đề nghị giao kết hợp đồng.
7. "Công ty" hoặc "Sun Life Việt Nam" được hiểu là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam.

Ngày..... Tháng..... Năm.....

[Họ và tên Bên mua bảo hiểm (viết bằng chữ thường)]

Tôi, **Tư vấn Tài chính**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi này, cam kết rằng đã phân tích nhu cầu tài chính, tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp và giải thích Bảng minh họa quyền lợi này với Bên mua bảo hiểm nêu trên một cách đầy đủ, rõ ràng, cụ thể và trung thực. Tôi xác nhận chữ ký trên đây được ký trước sự chứng kiến của tôi và theo sự hiểu biết của tôi đó là chữ ký của Bên mua bảo hiểm của Bảng minh họa quyền lợi này.

Ngày..... Tháng..... Năm.....

[Họ và tên Tư vấn tài chính (viết bằng chữ thường)]